CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam

Ngày 31/12/2024	32,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.8%	**-3.0%**	**-0.6%**

DT thuần
Q4/24
1,710
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 68.0| 4.1%
YoY: ▲ 199| 13.2%

LN thuần
Q4/24
22.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼22.5| -50.0%
YoY: ▼13.2| -37.0%

LN sau thuế
Q4/24
18.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.0| -48.0%
YoY: ▼0.70| -3.7%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
2.5%
YoY: +/-▼ 0.3%

ROE
2024
11.5%
YoY: +/-▲ 1.0%

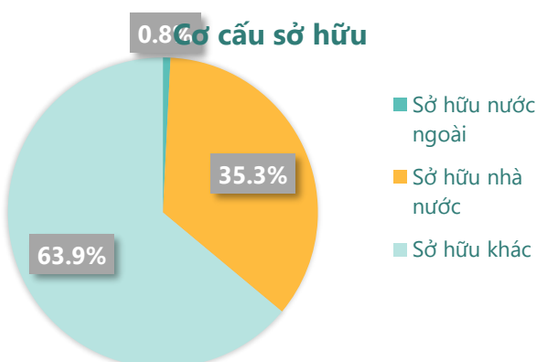
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	25,510 - 36,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,640
Số lượng CPLH (CP)	49,998,794
KLGD BQ 20 phiên (CP)	375
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	(0.13)
EPS	2,319
P/E	14.1

DT thuần
2024
6,439
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 762| 13.4%

LN thuần
2024
141
tỷ VNĐ

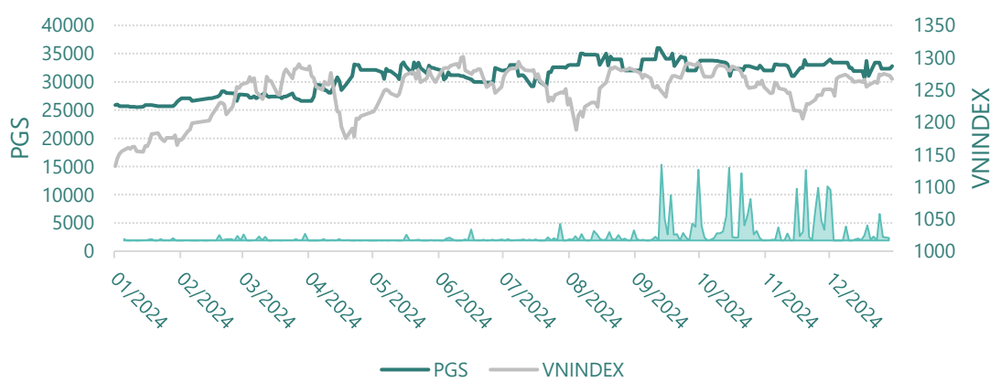
LN sau thuế
2024
116
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.0| 9.2%

Cơ cấu sở hữu

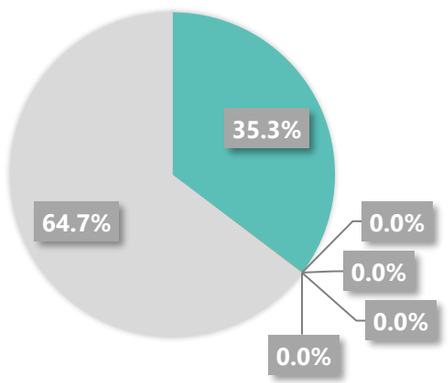


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

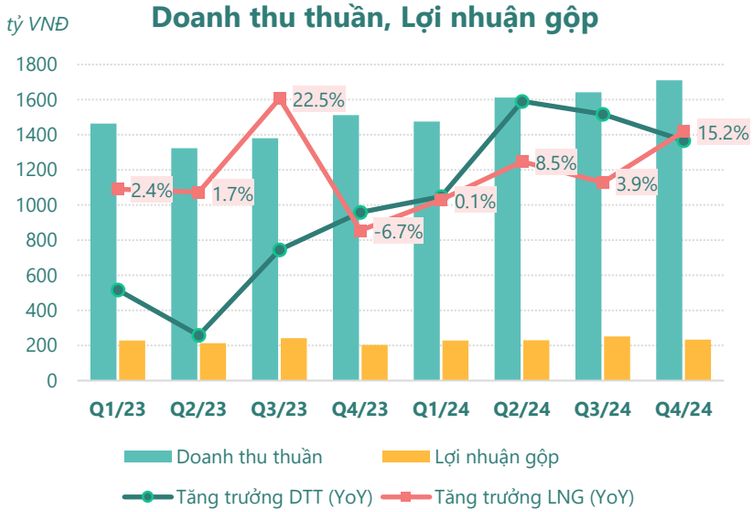


- Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP
- Nguyễn Thục Quyên
- Lê Thị Thảo
- CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam
- Phan Quốc Nghĩa (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

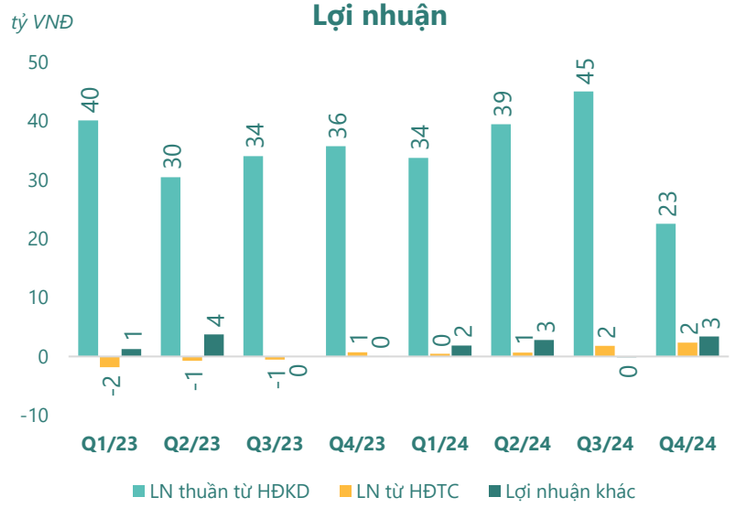
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



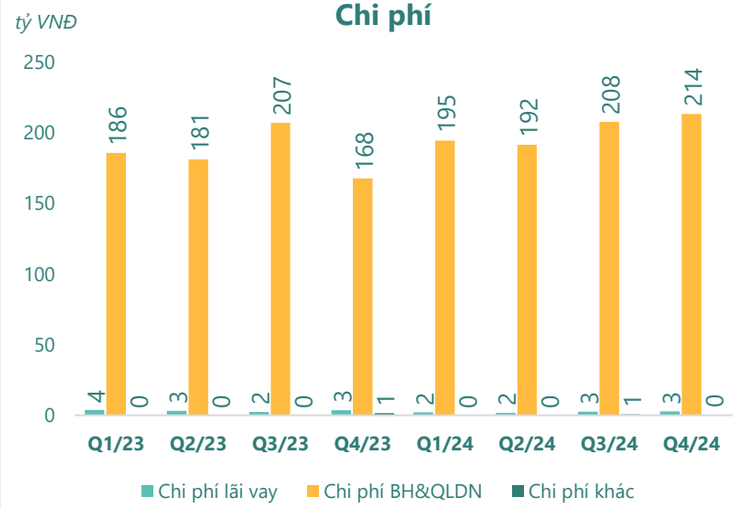
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



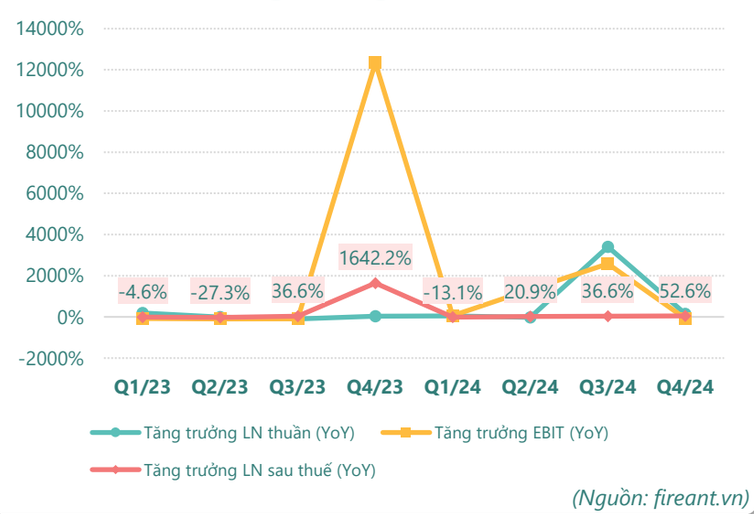
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



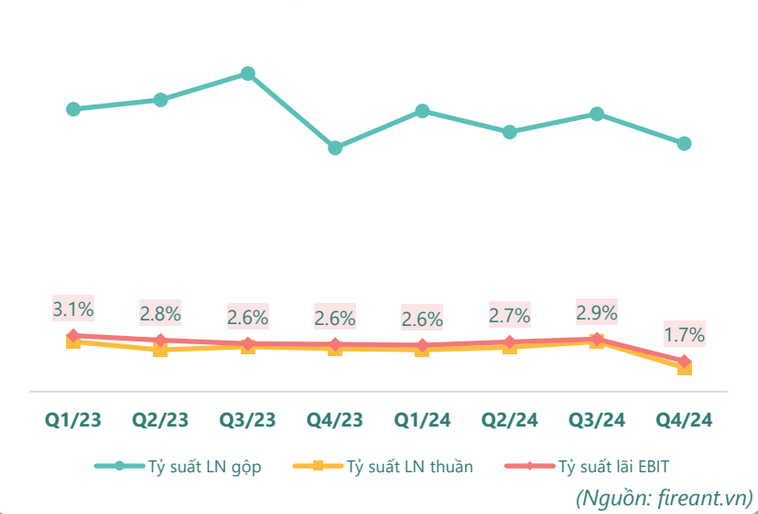
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

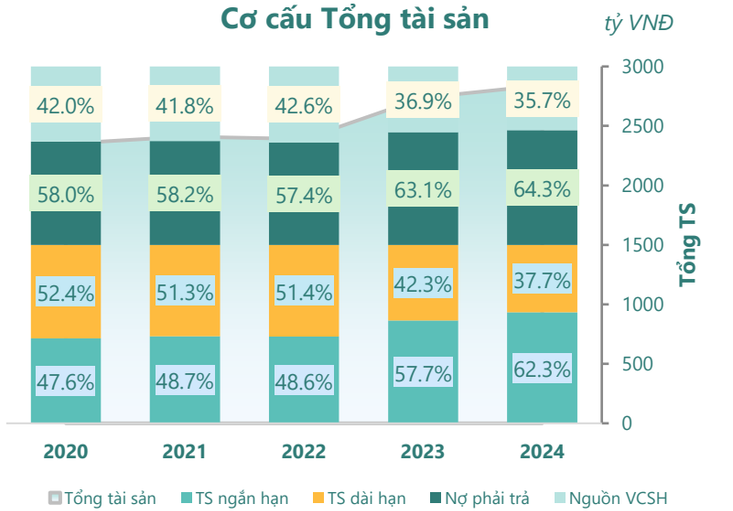
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

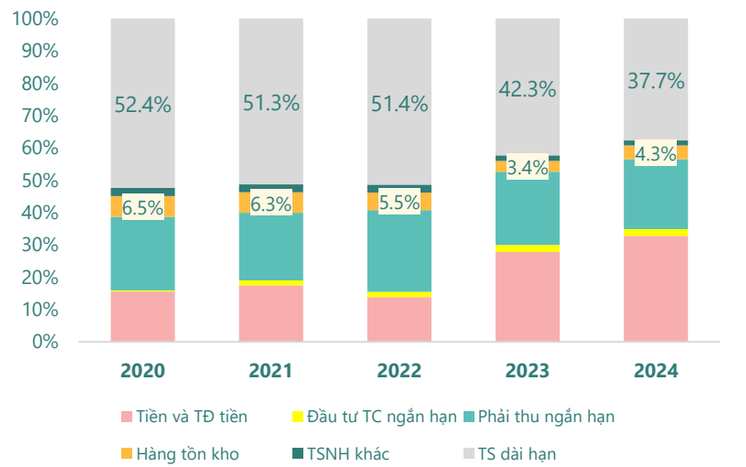
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



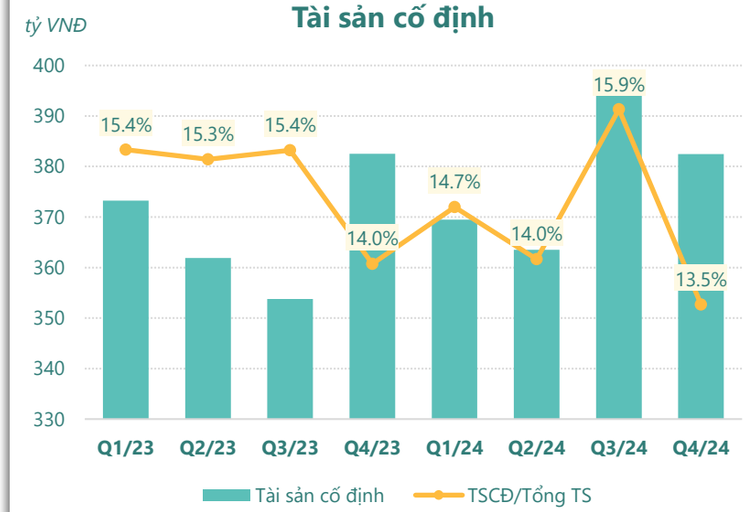
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



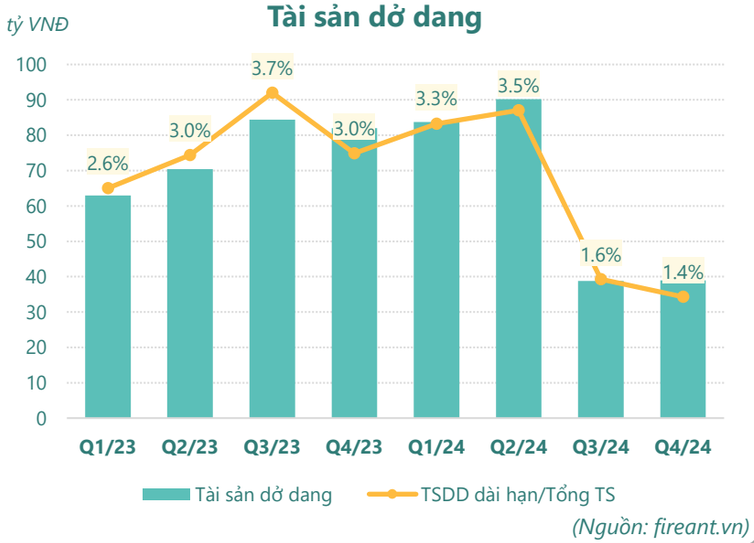
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



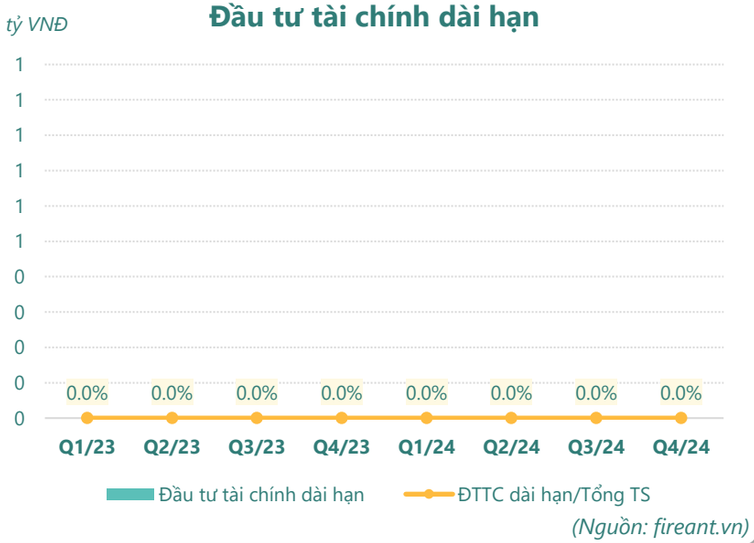
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



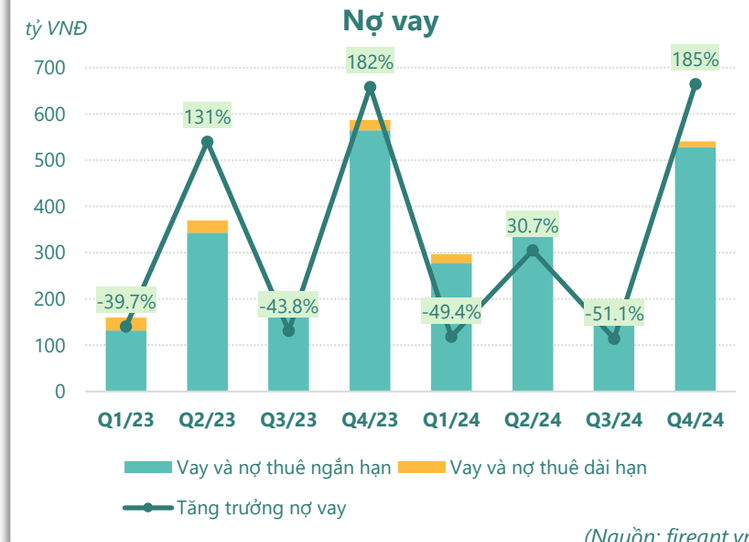
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

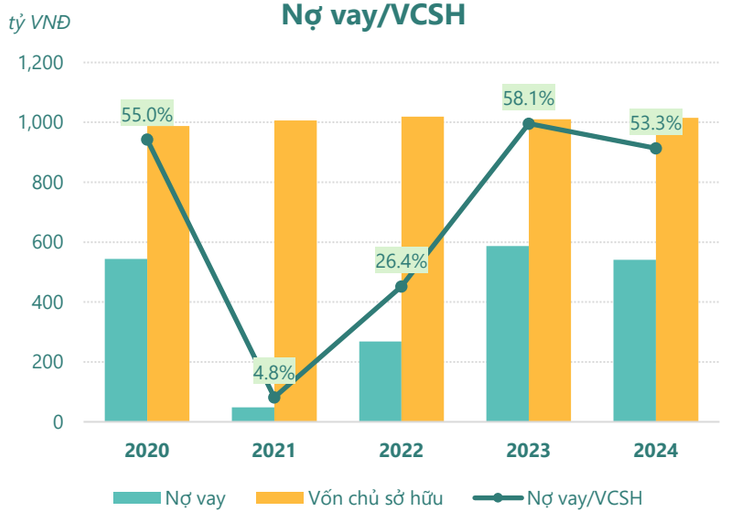
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

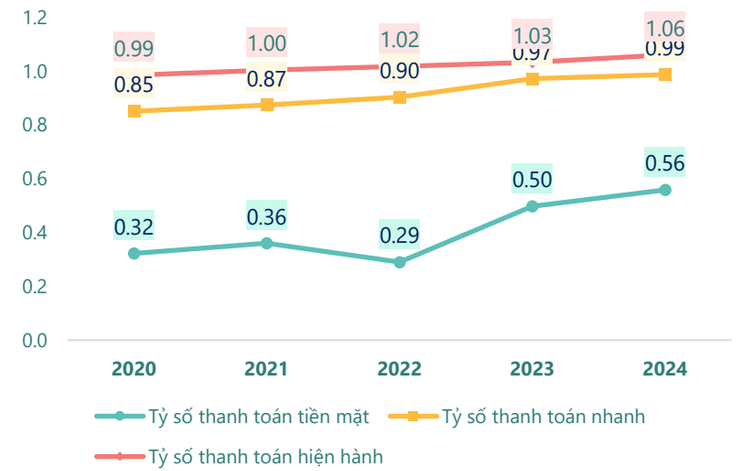
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



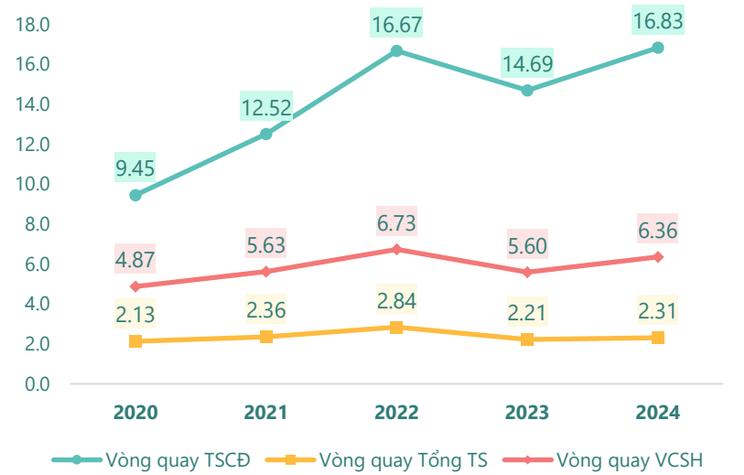
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



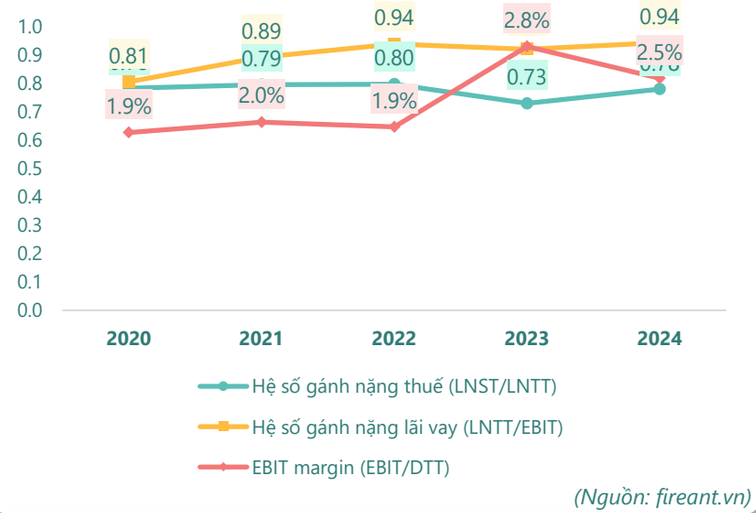
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



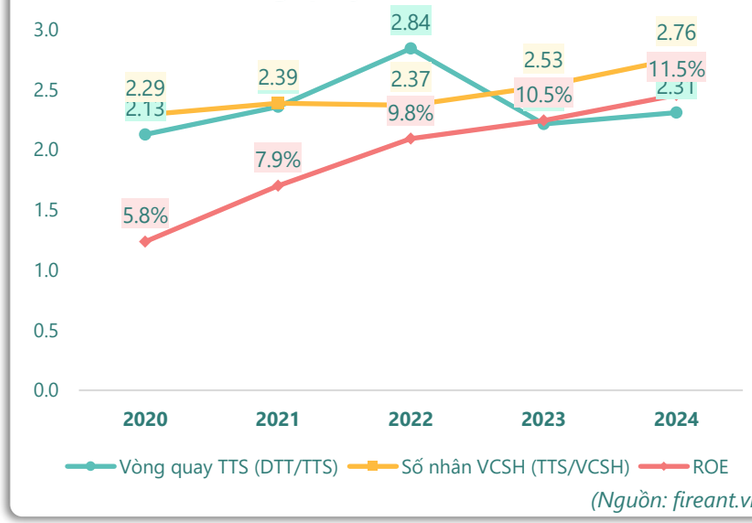
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



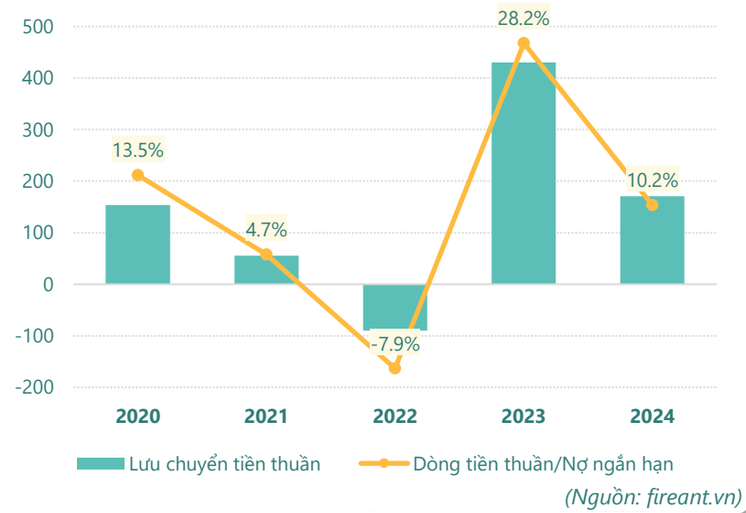
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,710**	**1,511**	**13.2%**	**6,439**	**5,677**	**13.4%**
Giá vốn hàng bán	1,476	1,308	12.9%	5,495	4,792	14.7%
Lợi nhuận gộp	234	203	15.2%	944	885	6.6%
Doanh thu HĐTC	5.20	4.19	24.0%	14.5	10.4	39.1%
Chi phí TC	2.82	3.50	-19.4%	9.21	12.8	-28.2%
Chi phí lãi vay	2.70	3.48	-22.5%	8.98	12.8	-29.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	182	150	21.0%	700	656	6.7%
Chi phí QLDN	**32.0**	**17.5**	**83.0%**	**108**	**86.5**	**25.4%**
LN thuần từ HĐKD	22.6	35.8	-37.0%	141	141	0.3%
Lợi nhuận khác	**3.40**	**0.08**	**4154%**	**7.93**	**5.07**	**56.3%**
LN trước thuế	26.0	35.8	-27.5%	149	146	2.3%
Lợi nhuận sau thuế	**18.4**	**19.1**	**-3.7%**	**116**	**106**	**9.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**18.4**	**19.1**	**-3.7%**	**116**	**106**	**9.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	186	121	-31.7	138	155	68.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-79.9	-13.8	-51.0	-65.0	103	-1.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-262	379	-290	-7.92	-199	351
Tiền đầu kỳ	431	276	761	389	455	513
Lưu chuyển tiền thuần	**-155**	**486**	**-372**	**65.5**	**58.8**	**419**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	-0.04	0.04	0.01
Tiền cuối kỳ	276	761	389	455	513	932

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,841**	**2,738**	**3.8%**
Tài sản ngắn hạn	1,769	1,578	12.1%
Tiền và tương đương tiền	932	761	22.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.5	58.5	0.0%
Phải thu ngắn hạn	614	620	-0.9%
Hàng tồn kho	122	92.4	32.2%
Tài sản ngắn hạn khác	42.8	46.6	-8.1%
Tài sản dài hạn	**1,072**	**1,159**	**-7.5%**
Phải thu dài hạn	3.24	3.53	-8.1%
Tài sản cố định	382	383	0.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	39.0	82.0	-52.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**647**	**691**	**-6.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,827	1,728	5.7%
Nợ ngắn hạn	**1,668**	**1,528**	**9.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	529	565	-6.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	849	698	21.5%
Nợ dài hạn	158	200	-20.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.1	21.8	-44.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,015**	**1,010**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1,015**	**1,010**	**0.5%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)